



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
	Ông Diệp Chí Hào	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Phương	Thành viên
	Ông Lê Nguyên Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc**

Ban Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám Đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.


Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-458-i




Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		658.045.269.439	558.465.432.859
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	121.866.234.381	35.347.434.495
Tiền	111		41.616.807.458	25.477.434.495
Các khoản tương đương tiền	112		80.249.426.923	9.870.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		320.442.557.051	264.282.765.192
Phải thu của khách hàng	131	9	281.790.414.271	261.102.485.562
Trả trước cho người bán	132		12.025.842.442	748.956.450
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	26.899.968.095	2.704.990.937
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(273.667.757)	(273.667.757)
Hàng tồn kho	140	11	209.313.360.767	257.995.315.508
Hàng tồn kho	141		211.339.776.967	260.021.731.708
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.026.416.200)	(2.026.416.200)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.423.117.240	839.917.664
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	6.291.784.482	828.556.525
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.077.489	11.361.139
Thuế phải thu Nhà nước	153		117.255.269	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		709.345.962.544	665.931.264.972
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	216		100.000.000	100.000.000
Tài sản cố định	220		490.676.702.952	514.949.980.842
Tài sản cố định hữu hình	221	12	490.676.702.952	514.949.980.842
<i>Nguyên giá</i>	222		1.070.921.228.407	1.062.732.090.309
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(580.244.525.455)	(547.782.109.467)
Bất động sản đầu tư	230	13	37.965.167.680	39.485.586.130
<i>Nguyên giá</i>	231		70.468.849.375	70.468.849.375
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(32.503.681.695)	(30.983.263.245)
Tài sản dở dang dài hạn	240		79.666.557.274	8.780.515.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	79.666.557.274	8.780.515.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	88.549.470.627	88.549.470.627
Đầu tư vào các công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	3.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		12.388.064.011	14.065.712.373
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	12.388.064.011	14.065.712.373
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.367.391.231.983	1.224.396.697.831

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		767.652.499.201	616.519.405.276
Nợ ngắn hạn	310		681.109.337.260	522.532.229.451
Phải trả người bán	311	17	86.357.157.054	41.590.500.339
Người mua trả tiền trước	312		9.561.193.134	3.226.808.760
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	16.800.552.690	10.337.309.513
Phải trả người lao động	314		31.497.159.504	23.813.306.561
Chi phí phải trả	315		855.119.207	871.504.308
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	4.065.392.767	1.787.619.928
Vay ngắn hạn	320	20(a)	520.455.459.419	435.701.021.786
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	21	11.517.303.485	5.204.158.256
Nợ dài hạn	330		86.543.161.941	93.987.175.825
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	1.476.301.000	1.476.301.000
Vay dài hạn	338	20(b)	85.066.860.941	92.510.874.825
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		599.738.732.782	607.877.292.555
Vốn chủ sở hữu	410	22	599.738.732.782	607.877.292.555
Vốn cổ phần	411	23	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418		53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		333.279.182.932	341.417.742.705
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.367.391.231.983	1.224.396.697.831

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:


Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	980.285.996.995	927.902.981.588
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	515.348.954	894.539.724
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	979.770.648.041	927.008.441.864
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	879.133.987.851	832.300.273.804
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		100.636.660.190	94.708.168.060
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	6.432.427.916	4.966.874.791
Chi phí tài chính	22	30	16.666.637.385	12.671.678.481
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.822.658.613	12.360.977.158
Chi phí bán hàng	25	31	3.478.357.615	5.704.044.858
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	22.656.548.653	25.204.896.940
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		64.267.544.453	56.094.422.572
Thu nhập khác	31		585.784.117	770.153.557
Chi phí khác	32		73.850	-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		585.710.267	770.153.557
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		64.853.254.720	56.864.576.129
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	12.107.750.687	11.346.591.297
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		52.745.504.033	45.517.984.832

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		64.853.254.720	56.864.576.129
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		45.699.361.280	44.544.749.746
Các khoản dự phòng	03		-	(940.677.851)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.503.011.952	(233.683.573)
Thu nhập lãi tiền gửi, cổ tức	05		(5.529.115.239)	(3.109.755.251)
Lãi do thanh lý tài sản cố định	05		(542.589.105)	(30.200.000)
Chi phí lãi vay	06		13.822.658.613	12.360.977.158
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		120.806.582.221	109.455.986.358
Biến động các khoản phải thu	09		(51.488.064.946)	(3.224.601.755)
Biến động hàng tồn kho	10		48.681.954.741	4.239.234.444
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		27.786.352.568	(9.188.270.575)
Biến động chi phí trả trước	12		(3.785.579.595)	(10.212.036.180)
			142.001.244.989	91.070.312.292
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.405.568.637)	(12.360.977.158)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.338.819.353)	(8.672.496.329)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.070.918.577)	(2.682.349.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		116.185.938.422	67.354.489.529
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(54.568.930.246)	(480.267.145)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		603.816.000	30.200.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		833.745.794	13.522.077.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(53.131.368.452)	13.072.009.912

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		538.133.130.700	541.652.787.645
Tiền trả nợ gốc vay	34		(463.275.014.943)	(620.575.266.410)
Tiền trả cổ tức	36		(51.401.815.000)	(36.501.015.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		23.456.300.757	(115.423.493.765)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		86.510.870.727	(34.996.994.324)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		35.347.434.495	137.946.407.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		7.929.159	175.090.415
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	121.866.234.381	103.124.503.768

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phần của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, mã TVT.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 1.118 nhân viên (1/1/2018: 1.188 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Công cụ đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyên	5 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 9 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
-----------	------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm tính từ ngày hoàn thành việc bảo trì.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dệt may, và lĩnh vực này thường không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi đáng kể về ước tính kế toán so với các ước tính đã được lập trong các báo cáo tài chính riêng năm gần đây nhất hoặc các ước tính đã được lập trong báo cáo giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi về cơ cấu của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	913.681.794.620	820.841.787.596	66.088.853.421	106.166.654.268	979.770.648.041	927.008.441.864
Chi tiêu vốn	90.852.934.109	17.528.151.817	-	-	90.852.934.109	17.528.151.817
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản của bộ phận	1.367.391.231.983	1.224.396.697.831	-	-	1.367.391.231.983	1.224.396.697.831

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	559.077.359	565.929.000
Tiền gửi ngân hàng	41.057.730.099	24.911.505.495
Các khoản tương đương tiền	80.249.426.923	9.870.000.000
	<hr/>	<hr/>
	121.866.234.381	35.347.434.495
	<hr/>	<hr/>

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	24.138.705.928	16.108.511.958
Các khách hàng khác	257.651.708.343	244.993.973.604
	<hr/>	<hr/>
	281.790.414.271	261.102.485.562
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty con – Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.752.641.059	944.843.351
Công ty liên kết – Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	1.539.891.727	2.288.289.256
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	24.138.705.928	16.108.511.958
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	3.538.865.190	9.235.336.971
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	136.524.080	450.788.250
Công ty Cổ phần Dệt May Thành phố Hồ Chí Minh	26.400.000	-
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu từ công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	273.667.757	471.567.430
Hoàn nhập	-	(280.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	273.667.757	191.567.430
	<hr/>	<hr/>

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Cổ tức phải thu	6.148.234.500	1.330.922.000
Các khoản phải thu từ các bên liên quan	20.015.903	14.287.564
Lãi tiền gửi phải thu	130.664.099	252.607.154
Ký quỹ mở tín dụng thư	18.956.056.433	-
Phải thu khác	1.644.997.160	1.107.174.219
	<hr/>	<hr/>
	26.899.968.095	2.704.990.937
	<hr/>	<hr/>

Cổ tức phải thu và các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	304.387.600	-	6.075.836.391	-
Nguyên vật liệu	84.995.105.533	-	45.888.531.117	-
Công cụ và dụng cụ	120.029.821	-	93.488.677	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.896.791.059	-	42.715.836.057	-
Thành phẩm	78.778.525.609	(2.026.416.200)	164.842.284.369	(2.026.416.200)
Hàng hóa	244.937.345	-	405.755.097	-
	211.339.776.967	(2.026.416.200)	260.021.731.708	(2.026.416.200)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	2.026.416.200	1.782.969.809
Hoàn nhập	-	(660.677.851)
Số dư cuối kỳ	2.026.416.200	1.122.291.958

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	128.604.072.787	924.645.228.188	8.866.250.970	616.538.364	1.062.732.090.309
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	19.128.112.380	838.779.455	-	19.966.891.835
Thanh lý	-	(11.777.753.737)	-	-	(11.777.753.737)
Số dư cuối kỳ	128.604.072.787	931.995.586.831	9.705.030.425	616.538.364	1.070.921.228.407
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	61.366.731.814	478.690.382.613	7.168.956.696	556.038.344	547.782.109.467
Khấu hao trong kỳ	3.445.943.319	40.365.332.946	337.783.222	29.883.343	44.178.942.830
Thanh lý	-	(11.716.526.842)	-	-	(11.716.526.842)
Số dư cuối kỳ	64.812.675.133	507.339.188.717	7.506.739.918	585.921.687	580.244.525.455
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	67.237.340.973	445.954.845.575	1.697.294.274	60.500.020	514.949.980.842
Số dư cuối kỳ	63.791.397.654	424.656.398.114	2.198.290.507	30.616.677	490.676.702.952

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 147.972 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 148.058 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 351.000 triệu VND (1/1/2018: 369.649 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối kỳ	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	30.983.263.245
Khấu hao trong kỳ	1.520.418.450
Số dư cuối kỳ	32.503.681.695
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	39.485.586.130
Số dư cuối kỳ	37.965.167.680

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Bao gồm trong bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 23.663 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 23.663 triệu VND).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	8.780.515.000	2.661.750.000
Tăng trong kỳ	90.852.934.109	17.528.151.817
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.966.891.835)	(3.142.017.145)
Số dư cuối kỳ	79.666.557.274	17.047.884.672

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bộ ghép sợi	1.712.250	8.512.875.000
Dự án cải tạo nhà máy	5.384.000.000	267.640.000
Hệ thống bông chải liên hợp, lọc bụi và máy sợi con	73.878.229.898	-
Khác	402.615.126	-
	79.666.557.274	8.780.515.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2018					1/1/2018						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng (i)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (ii)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				77.890.684.464	-					77.890.684.464	-	
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%		7.058.786.163	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
				16.058.786.163	(9.000.000.000)					16.058.786.163	(9.000.000.000)	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2018					1/1/2018						
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
				<u>97.549.470.627</u>	<u>(9.000.000.000)</u>					<u>97.549.470.627</u>	<u>(9.000.000.000)</u>	

- (i) Công ty Cổ phần May Việt Thắng được thành lập tại Việt Nam và các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dệt may; may và in trên vải (chỉ cho sử dụng nội bộ), thêu và rửa; kinh doanh phụ liệu, và hóa chất (trừ hóa chất độc hại), phụ tùng, máy may và hàng dệt.
- (ii) Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An được thành lập tại Việt Nam và các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh phụ kiện dệt, nguyên vật liệu, phụ liệu, máy móc, phụ tùng, in ấn và nhuộm vải, thuê kho và ký gửi hàng hóa.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí thuê đất	4.880.682.145	-
Khác	1.411.102.337	828.556.525
	6.291.784.482	828.556.525

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo trì VND
Số dư đầu kỳ	14.065.712.373
Tăng trong kỳ	2.211.903.800
Phân bổ trong kỳ	(3.889.552.162)
Số dư cuối kỳ	12.388.064.011

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2018 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	33.659.066.260	26.273.688.329
China Ctexic Corporation	37.938.474.116	-
Kangwal Polyester Co., Ltd	74.815.130	5.428.646.021
Các nhà cung cấp khác	14.684.801.548	9.888.165.989
	86.357.157.054	41.590.500.339

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2018	1/1/2018
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Ngắn hạn	86.357.157.054	41.590.500.339
	86.357.157.054	41.590.500.339

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2018	1/1/2018
	Giá gốc/Số có khả	Giá gốc/Số có
	năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	33.659.066.260	26.273.688.329
	33.659.066.260	26.273.688.329

Các khoản phải trả đối với bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2018
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	4.602.497.975	48.289.297.078	(47.503.059.573)	5.388.735.480
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.818.381.786	12.107.750.687	(10.338.819.353)	6.587.313.120
Thuế thu nhập cá nhân	41.301.811	676.041.876	(684.751.183)	32.592.504
Thuế tài nguyên	5.154.400	37.689.979	(36.008.579)	6.835.800
Phí thuê đất	869.973.541	9.761.364.277	(5.846.262.032)	4.785.075.786
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	10.337.309.513	70.875.143.897	(64.411.900.720)	16.800.552.690

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	307.321.580	315.942.940
Lãi vay phải trả	417.089.976	-
Cổ tức phải trả	1.272.215.000	174.030.000
Các khoản phải trả khác	2.068.766.211	1.297.646.988
	<hr/>	<hr/>
	4.065.392.767	1.787.619.928
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh tiền ký quỹ nhận được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong kỳ		30/6/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	412.364.158.131	412.364.158.131	512.491.409.151	(463.275.014.943)	461.580.552.339	461.580.552.339
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	23.336.863.655	23.336.863.655	35.538.043.425	-	58.874.907.080	58.874.907.080
	<u>435.701.021.786</u>	<u>435.701.021.786</u>	<u>548.029.452.576</u>	<u>(463.275.014.943)</u>	<u>520.455.459.419</u>	<u>520.455.459.419</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)				
Khoản vay 1	VND	5,5% - 6,0%	268.761.347.804	278.912.931.354
Khoản vay 2	USD	2,7%	128.364.499.012	26.072.636.682
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)				
Khoản vay 3	VND	5,5%	9.958.296.741	-
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 4	VND	4,7%	33.297.603.783	-
Khoản vay 5	USD	2,64%	10.989.997.062	54.213.778.464
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 6	USD	4,5%	10.208.807.937	45.422.932.559
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (iii)				
Khoản vay 7	USD	2,2%	-	7.741.879.072
			461.580.552.339	412.364.158.131

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 167.985 triệu VND (1/1/2018: 177.396 triệu VND) (Thuyết minh 12).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 8.188 triệu VND (1/1/2018: 4.482 triệu VND) (Thuyết minh 12).
- (iii) Các khoản vay ngân hàng này không được đảm bảo.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn	143.941.768.021	115.847.738.480
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(58.874.907.080)	(23.336.863.655)
	85.066.860.941	92.510.874.825

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Năm đáo	30/6/2018	1/1/2018
		năm	hạn	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	USD	4,1%	2022	67.015.850.000	49.575.213.480
Khoản vay 2 (ii)	USD	5,14%	2025	26.794.659.701	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tê Việt Nam (iii)	USD	4,1%	2020	50.131.258.320	66.272.525.000
				143.941.768.021	115.847.738.480

(i) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022.

(ii) Khoản vay đang trong thời gian rút vốn và chưa có lịch trả nợ. Khoản vay được tất toán vào năm 2025.

Khoản vay (i) và (ii) được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 34.337 triệu VND (1/1/2018: 36.787 triệu VND) (Thuyết minh 12).

(ii) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 140.490 triệu VND (1/1/2018: 150.984 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2018	30/06/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	5.204.158.256	3.086.119.330
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	8.384.063.806	10.872.329.392
Sử dụng trong kỳ	(2.070.918.577)	(2.682.349.276)
Số dư cuối kỳ	11.517.303.485	11.276.099.446

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	268.449.434.047	534.908.983.897
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	45.517.984.832	45.517.984.832
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(10.872.329.392)	(10.872.329.392)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	303.095.089.487	569.554.639.337
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	38.322.653.218	38.322.653.218
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	341.417.742.705	607.877.292.555
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	52.745.504.033	52.745.504.033
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(8.384.063.806)	(8.384.063.806)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	333.279.182.932	599.738.732.782

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 19 tháng 4 năm 2018 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017. Khoản cổ tức này đã được thông qua theo nghị quyết số 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

25. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	59.275	1.358.578.416	58.412	1.323.907.074

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	666.167.620.222	593.878.028.615
▪ Bán hàng hóa	274.441.514.519	279.569.456.573
▪ Cung cấp dịch vụ	16.658.426.825	32.101.807.238
▪ Bán phế liệu	13.161.856.558	12.242.671.072
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	9.856.578.871	10.111.018.090
	<hr/>	<hr/>
	980.285.996.995	927.902.981.588
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(206.994.021)	(672.088.743)
▪ Hàng bán bị trả lại	(308.354.933)	(222.450.981)
	<hr/>	<hr/>
	(515.348.954)	(894.539.724)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	979.770.648.041	927.008.441.864
	<hr/>	<hr/>

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Thành phẩm đã bán	578.471.885.989	510.926.614.157
Hàng hoá đã bán	270.505.453.780	276.335.711.981
Dịch vụ đã cung ứng	13.803.392.848	30.590.463.449
Phế liệu đã bán	12.271.671.998	11.646.343.836
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	4.081.583.236	3.461.818.232
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(660.677.851)
	<hr/>	<hr/>
	879.133.987.851	832.300.273.804
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Thu nhập cổ tức	4.817.312.500	780.579.938
Thu nhập lãi tiền gửi	711.802.739	2.329.175.313
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	615.001.158	401.331.561
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	288.311.519	1.455.787.979
	<hr/>	<hr/>
	6.432.427.916	4.966.874.791
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.822.658.613	12.360.977.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.843.978.772	310.701.323
	<hr/>	<hr/>
	16.666.637.385	12.671.678.481
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Phí hoa hồng	1.088.555.791	3.085.131.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.094.811.659	1.272.137.161
Chi phí khấu hao và phân bổ	660.986.436	626.173.128
Chi phí nhân viên	634.003.729	642.702.176
Chi phí bán hàng khác	-	77.900.537
	<hr/>	<hr/>
	3.478.357.615	5.704.044.858
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.590.801.153	13.821.477.174
Chi phí thuế, phí và lệ phí	2.774.515.564	4.898.834.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.508.484.102	2.182.714.264
Chi phí công cụ và dụng cụ	953.568.677	806.168.614
Chi phí khấu hao và phân bổ	713.856.519	718.000.128
Dự phòng nợ xấu	-	(280.000.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.115.322.638	3.057.702.662
	22.656.548.653	25.204.896.940

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa bao gồm trong chi phí sản xuất	612.624.475.287	548.771.594.303
Chi phí nhân công	78.421.774.935	73.382.385.516
Chi phí khấu hao và phân bổ	45.699.361.280	44.544.749.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	99.534.038.853	115.024.649.723

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành	12.107.750.687	11.346.591.297

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.853.254.720	56.864.576.129
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.970.650.944	11.372.915.226
Chi phí không được khấu trừ thuế	100.562.243	129.792.059
Thu nhập không bị tính thuế	(963.462.500)	(156.115.988)
	12.107.750.687	11.346.591.297

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Các công ty con		
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Bán thành phẩm	367.690.000	696.155.000
Thu nhập cho thuê	925.723.636	974.640.000
Thu nhập khác	4.441.500.573	4.119.209.158
Mua hàng hóa	228.048.892	282.644.300
Thu nhập cổ tức	1.568.062.500	-
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An		
Bán thành phẩm	-	76.826.582
Thu nhập khác	-	687.611.042
Mua hàng hóa	-	181.036.957
Mua hàng gia công	-	46.811.441.139
Mua khác	-	184.700.949
Thu nhập cổ tức	3.249.250.000	780.579.938

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Công ty liên doanh và liên kết		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Thu nhập cho thuê	589.586.539	502.560.000
Thu nhập khác	1.262.832.475	1.495.087.793
Chi phí khác	121.661.760	-
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm	144.557.591.227	122.395.212.739
Thu nhập cho thuê	2.607.640.908	2.963.413.636
Thu nhập khác	4.175.196.110	5.684.616.262
Mua hàng hóa	401.292.560.493	366.919.243.361
Phí dịch vụ khác	-	64.788.597
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	100.000.000	20.000.000
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm và hàng hóa	58.591.114.956	26.347.389.825
Mua hàng hóa	7.521.621.893	12.548.288.183
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	13.598.708.680	2.760.799.500
Doanh thu gia công	-	1.024.458.900
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	1.852.849.450	1.605.675.450
Thu nhập gia công	-	20.300.350
Tập đoàn Dệt may Việt Nam		
Phân phối cổ tức	24.637.500.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang – CTCP		
Bán thành phẩm	595.446.930	861.590.700
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế – Chi nhánh Đà Nẵng		
Bán thành phẩm và hàng hóa	97.191.250	14.724.099.790
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán thành phẩm và hàng hóa	-	5.091.457.400
Công ty Cổ phần May Phương Đông		
Bán thành phẩm	-	2.198.315.200
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý		
Lương và thưởng	2.480.300.000	1.969.440.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	38.064.228.776	1.711.448.713

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:



Diệp Quốc Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

